

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 3215/SXD-QH ngày 18/5/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến về 05 hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã của 05 xã: Thọ Bình, Hợp Tiến, Xuân Lộc, Triệu Thành, Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 145/TĐ-KTHT ngày 20/5/2021 (kèm theo Tờ trình của UBND xã Triệu Thành).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Triệu Thành,

huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

- Triệu Thành là xã nằm về phía Nam huyện Triệu Sơn, trung tâm xã có cách trung tâm huyện 12km.

- Phạm vi lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Triệu Thành, ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Hợp Thành, Hợp Tiến;
- + Phía Nam giáp xã Xuân Du, huyện Như Thanh;
- + Phía Tây giáp xã Cán Khê, huyện Như Thanh;
- + Phía Đông giáp xã Xuân Du, Phụng Nghi, huyện Như Thanh.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 1.125,06ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

Cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ lập và dự toán quy hoạch, được UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt tại Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 22/4/2021.

2.2. Tính chất, chức năng của xã:

Quy hoạch xây dựng xã Triệu Thành là quy hoạch xây dựng nông thôn; chức năng là sản xuất, phát triển kinh tế lâm nghiệp, chăn nuôi, nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ của vùng huyện Triệu Sơn.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.1. Quy mô dân số, lao động:

3.1.1. Dân số:

Dân số hiện trạng là 6.052 người; dự báo đến năm 2025 là 6.625 người, đến năm 2030 là 7.275 người.

3.1.2. Lao động:

Dự báo lao động đến năm 2025 là 4.324 người, đến năm 2030 là 4.947 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.2.1. Về sử dụng đất:

- Điểm dân cư nông thôn:

+ Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người};$

+ Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$

+ Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$

+ Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người};$

- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2.$

- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$
- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$.
(Có vườn thuốc $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 500\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 4.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 3.000\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường: ≥ 1 kg rác/người/ngày/đêm.
- Về cấp nước tiêu chuẩn: ≥ 120 lít/người/ngày.
- Về thoát nước bản tiêu chuẩn: ≥ 80 % lượng nước cấp.
- Về cấp điện tiêu chuẩn: $\geq 660\text{W}/\text{hộ/ngày/đêm}$.

3.2.3. Các nội dung khác: Theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn – tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã Quy hoạch khu trung tâm xã, gồm: Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế..., nằm trên trục đường chính quan trọng của xã thuộc thôn Cát Lợi hướng kết nối ra tuyến TL.520.

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung Giữ nguyên hiện trạng các khu dân cư tại 10 thôn (thôn Thu Vi, thôn Thu Phong, thôn Cát Lợi, thôn Sơn Hương, thôn Sơn Trung, thôn Trị Bình, thôn Bình Định, thôn Châu Thành, thôn Minh Thành, thôn Bình Phương).

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ

4.3.1 Khu sản xuất nông nghiệp

a) Ngành trồng trọt: Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (*cánh đồng mẫu lớn*).

b) Ngành chăn nuôi:

Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã cần đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại. Quy hoạch xây dựng trang trại tại các khu vực sau:

- Trang trại khu vực đồi Ao Lốc thôn Hương Sơn với diện tích 23,20ha; (Ô đất ký hiệu NHK01);
- Trang trại tại khu vực Hang Dơi thôn Minh Thành với diện tích 10,0ha. (Ô đất ký hiệu NHK02);
- Trang trại tại khu vực Đồi Ao Sào thôn Bình Định với diện tích 2,0ha. (Ô đất ký hiệu NHK02).

c) Ngành thủy sản: Bố trí diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã là 19,66

ha (giữ nguyên diện tích ao, hồ hiện có).

d) Khu vực trồng cây luống: Quy hoạch vùng trồng luống tại khu vực đồi Hang Dơi thôn Minh Thành với diện tích 100ha (Ô đất ký hiệu RSX01).

4.3.2. Khu sản xuất kinh doanh – Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Quy hoạch tại khu vực Đòng Trúc Dưới, thôn Cát Lợi với diện tích 2,50ha. (Ô đất ký hiệu SKC01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng.

4.3.3. Khu vực dịch vụ - thương mại

Bố trí quỹ đất xây dựng nơi làm việc hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp khu vực Đòng Quận thôn Cát Lợi với diện tích 0,20ha. (Ô đất ký hiệu HTX01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng.

4.4. Khu vực có khả năng phát triển

- Khu vực thôn Cát Lợi, thôn Thu Phong gần trụ sở ủy ban.
- Khu vực ven đường thôn Cát Lợi, thôn Sơn Hương bao gồm: tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, đất dân cư mới phát triển....;

4.5. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp. Khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng bao gồm: bao gồm các vùng xung quanh các Hồ - Đập, sườn đồi. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã

5.1. Phân vùng kinh tế

Toàn xã Triệu Thành đến năm 2030, được chia thành 02 vùng phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Dọc hai bên trục đường liên xã là thôn Cát Lợi và thôn Sơn Hương): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp tập trung trung kết hợp kinh doanh thương mại nhỏ, lẻ.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng

5.2.1. Khu công sở xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Cát Lợi, với diện tích 3.051m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 -3 tầng (Ô đất ký hiệu TSC01).

5.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã

a) Trung tâm văn hóa xã: Quy hoạch, xây mới trung tâm văn hóa xã, nằm ở thôn Cát Lợi, khu vực Đòng Quận. Diện tích dự kiến khoảng: 2.000 m². Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1-3 tầng ; (Ô đất ký hiệu DVH01).

b) Sân thể thao xã: Quy hoạch sân thể thao xã với diện tích khoảng 13.000 m², tại thôn Cát Lợi, khu vực Đòng Quận; (Ô đất ký hiệu DTT01).

5.2.3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn

a) Nhà văn hóa thôn:

- Giữ nguyên vị trí, diện tích đất nhà văn hóa –sân thể thao hiện có tại thôn (diện tích đã đạt yêu cầu quy định trong thiết chế văn hóa). Cụ thể:

+ Nhà văn hóa thôn Thu Vi, diện tích 775m² (Ô đất ký hiệu DVH02);
 + Nhà văn hóa thôn Cát Lợi, diện tích 1.851,3 m² (Ô đất ký hiệu DVH03);
 + Nhà văn hóa thôn Trị Bình, diện tích 506,3 m² (Ô đất ký hiệu DVH04);
 + Nhà văn hóa thôn Bình Định, diện tích 2.001,1 m² (Ô đất ký hiệu DVH05); Nhà văn hóa thôn Sơn Hương, diện tích 181,7 m²; (Ô đất ký hiệu DVH08);

+ Nhà văn hóa thôn Minh Thành, diện tích 1.313,9 m² (Ô đất ký hiệu DVH09);

+ Nhà văn hóa thôn Sơn Trung, diện tích 1.500 m² (Ô đất ký hiệu DVH10).

- Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn Thu Phong, thôn Bình Phương, thôn Châu Thành đảm bảo diện tích và các quy định tại quy chuẩn 01:2019 và các quy định trong thiết chế văn hóa. Cụ thể:

+ Nhà văn hóa thôn Thu Phong, diện tích 3.600 m² (Ô đất ký hiệu DVH01);

+ Nhà văn hóa thôn Bình Phương, diện tích 900 m² (Ô đất ký hiệu DVH07);

+ Nhà văn hóa thôn Châu Thành, diện tích 1.500 m² (Ô đất ký hiệu DVH06).

- Mật độ xây dựng các nhà văn hóa là 40%. Tầng cao 1 -3 tầng.

b) Sân thể thao thôn:

- Đối với các khu thể thao sử dụng chung trong khuôn viên của nhà văn hóa thôn, cần đầu tư các trang thiết bị thể thao chuyên dụng để đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong thôn.

- Quy hoạch xây dựng mở mới các sân thể thao:

+ Thôn Bình Phương, với diện tích 2.500 m² (Ô đất ký hiệu DTT02);

+ Thôn Châu Thành, với diện tích 2.500 m² (Ô đất ký hiệu DTT03).

5.2.4. Công trình y tế: Giữ nguyên tại vị trí tại thôn Cát Lợi, diện tích 2.736,4m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DYT01).

5.2.5. Công trình giáo dục

Hiện tại trên địa bàn xã có 3 cấp trường học, cụ thể các trường như sau:

a) Trường Mầm non:

Giữ nguyên ở vị trí tại thôn Cát Lợi, diện tích 1.899,8 m², đồng thời quy hoạch mở rộng trường thêm diện tích 1.100 m². Tổng diện tích sau khi mở rộng: 2.999,8 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3, (Ô đất ký hiệu DGD01).

b) Trường Tiểu học:

Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Trị Bình, diện tích khu đất: 8.474 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng; (Ô đất ký hiệu DGD02).

c) Trường trung học cơ sở:

Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Cát Lợi, diện tích 6.240,7 m²; Quy hoạch, mở rộng trường thêm với diện tích 1.100 m². Diện tích sau khi mở rộng: 7.340,7 m². Mật độ xây dựng 45%. Tầng cao 1 – 3 tầng; (Ô đất ký hiệu DGD03).

5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã: Quy hoạch bưu điện văn hóa xã tại thôn Cát Lợi, khu Đồng Quận, với diện tích khoảng là 400 m². Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng; (Ô đất ký hiệu DBV01).

5.2.7. Trụ sở công an xã:

Quy hoạch xây dựng trụ sở công an xã, diện tích 2.000 m², tại thôn Cát Lợi, khu Đồng Quận. Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 -3 tầng; (Ô đất ký hiệu CAN01).

5.2.8. Công trình quốc phòng:

Quy hoạch xây dựng nhà trực cơ động dân quân xã tại khu vực Đồng Quận thôn Cát Lợi với diện tích 500,0 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-3 tầng. (Ô đất ký hiệu CQP01).

5.3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch khu dân cư mới và cũ

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 10 thôn, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm.

- Quy hoạch xây dựng thêm các điểm dân cư nông thôn đáp ứng nhu cầu nhà ở trong phát triển dân cư, trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng hoặc đất nông nghiệp năng xuất thấp; Các giai đoạn phát triển điểm dân cư được xác định: Đến năm 2020 bố trí khu dân cư mới với diện tích 13,38ha; Đến năm 2030 khu dân cư mới là 11,30ha; Mật độ xây dựng 80%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu PT01-PT08).

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất

6.1.1. Hệ thống giao thông nội đồng: Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông chưa đảm bảo quy định trong xây dựng NTM, đáp ứng nhu cầu đi lại sản xuất của người dân.

6.1.2. Hệ thống thủy lợi

- Quy hoạch giữ nguyên hệ thống kênh mương nội đồng với tổng chiều dài 19,2 km; Nâng tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính do Công ty Sông Chu và xã quản lý. Cụ thể:

- Hệ thống kênh mương chính với tổng chiều dài: 10,05 km. Trong đó:

+ Nâng cấp kênh mương do Thủy nông Sông Chu quản lý: 4,7 km.

+ Nâng cấp kênh mương chính do xã quản lý là: 5,35 m.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật

6.2.1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường TL.520 qua xã với chiều dài 2,5km; Lộ giới 42,0m, nền đường 12,0m, hành lang giao thông 15,0mx2=30,0m.
- Đường TL.514 qua xã với chiều dài 1,7km; Lộ giới 42,0m, nền đường 12,0m, hành lang giao thông 15,0mx2=30,0m.
- Đường liên xã: gồm 04 tuyến, với tổng chiều dài là 10,72km. Ký hiệu từ ĐTX-TT.01 - ĐTX-TT.04. Lộ giới 20,5m, nền đường 10,5m, hè đường 5,0mx2=10,0m.

b) Hệ thống giao thông đối nội:

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, cụ thể như sau:

- Tuyến đường trục thôn: gồm 33 tuyến, với tổng chiều dài 19,76km. Ký hiệu từ ĐTT-TT.01 - ĐTT-HT.33. Lộ giới từ 5,0m ÷ 17,5m, mặt đường từ 3,5m ÷ 7,5m.
- Tuyến đường ngõ xóm: gồm 33 tuyến, với tổng chiều dài 10,2km. Ký hiệu ĐNX-TT.01 - ĐNX-TT.37. Lộ giới là 3,5m ÷ 5,0m, mặt đường từ 2,5m ÷ 5,0m.
- Tuyến đường nội đồng: gồm 14 tuyến, với tổng chiều dài 10,79km. Ký hiệu ĐNĐ-TT01 - ĐNĐ-TT40. Chiều rộng nền đường 5,0m ÷ 7,0m, mặt đường 3,5m.

6.2.2. Quy hoạch cao độ nền

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây Bắc sang phía Đông Bắc. Nhìn chung với định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp.

- Các tuyến kênh mương khi cải tạo, cứng hóa cần xác định cao độ đáy kênh phù hợp. Với các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế cần căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực, hướng tuyến kênh để thiết kế cho phù hợp

6.2.3. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Bố trí mạng lưới đường ống cấp nước sạch từ xã Hợp Thành. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D110- D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính \geq D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

6.2.4. Hệ thống điện

Trên địa bàn xã có 5,8 km đường dây trung thế 22KV; 48km đường dây hạ thế 0,4KV, phần lớn là dây bọc mới thay mới đảm bảo an toàn về kỹ thuật, đảm bảo chất lượng theo quy định. Toàn xã có tổng 06 trạm biến áp, với tổng công suất 1.750 KVA. Để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp điện trong giai đoạn đến năm 2030, nâng cấp công suất trạm biến áp số 1, và số 6 từ 320KVA lên

400KVA; Nâng cấp trạm biến áp số 2, số 3, số 4, số 5 từ công suất 180KVA và 250KVA lên 320KVA. Tổng công suất của các trạm biến áp sau nâng cấp là 2.080KVA, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

6.3.1. Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Triệu Thành sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

- Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

6.3.2. Hệ thống rác thải

- Khu trung chuyển rác thải được bố trí tại thôn Châu Thành, khu vực Đồi lâm nghiệp, với diện tích 1,22ha; Ô đất ký hiệu RAC01.

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý.

6.3.3. Quy hoạch nghĩa trang

- Trong giai đoạn ngắn hạn các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn xã sẽ đóng cửa, đồng thời có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường, (Ô ký hiệu từ NTD06-NTD18).

- Trong giai đoạn dài hạn: quy hoạch 06 nghĩa trang tập trung:

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Ngọc Thục – thôn Trị Bình, tại khu vực Đồng Cây Đa với diện tích 0,67ha (Ô đất ký hiệu NTD03).

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Châu Thành, tại khu vực Đồi Nhà Dậu với diện tích 0,90ha (Ô ký hiệu NTD05).

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Bình Định, tại khu vực Đồi Cây Trí với diện tích 0,44ha (Ô đất ký hiệu NTD04).

+ Mở rộng nghĩa trang thôn Cát Lợi, tại khu vực Đồng Trám với diện tích 0,14ha (Ô đất ký hiệu từ NTD02).

+ Mở rộng nghĩa địa thôn Minh Thành, giáp Đông Bún với diện tích 0,50ha (Ô đất ký hiệu NTD 17).

+ Mở rộng nghĩa địa thôn Sơn Hương, giáp Hồ Ao Lóc với diện tích 0,50ha (Ô đất ký hiệu NTD 07).

7. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

7.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các hạng mục khác.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.
- Xây dựng, cải tạo kiến cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng.
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.
- Xây dựng mới trạm biến áp, nâng cấp các trạm biến áp hiện có; xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây điện.
- Đầu tư xây dựng mới khu trung tâm văn hoá thể dục thể thao xã, công sở UBND xã, nhà công an, nhà trực dân quân cơ động, nhà văn hóa và sân thể thao các thôn, trạm y tế, bưu điện.
- Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có.

7.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Triệu Thành có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.
- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.
- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Triệu Thành tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP Điều phối NTM huyện;
- Như Điều 3 QĐ;
- UBND xã Triệu Thành;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính